

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2013/NĐ-CP

(Dự thảo 2)
Ngày 28.3.2013

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết thi hành và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật luật sư
và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư số 20/2012/QH13
ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

LUẬT SƯ

Điều 1. Bằng cử nhân luật¹

Người có Bằng cử nhân luật quy định tại Điều 10 Luật luật sư là người có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành luật do cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam cấp hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành luật do cơ sở giáo dục đại học của nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hoặc theo và Điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, hoặc Hiệp định về tương đương văn bằng hoặc công nhận lẫn nhau về văn bằng.

Điều 2. Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư²

1. Trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề luật sư bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý, luật sư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư đến Đoàn luật sư nơi luật sư đó là thành viên. Hồ sơ gồm có:

a) Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư, trong đó nêu rõ lý do, số Chứng chỉ hành nghề luật sư;

b) Các giấy tờ theo quy định tại Điều 17 Luật luật sư.

¹ Điều 1 Nghị định 28.

² Nghị định hóa Điều 4 Thông tư 17/2011/TT-BTP.

Formatted: Dutch (Netherlands)

Formatted: Dutch (Netherlands)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật luật sư.

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Người bị từ chối cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư có quyền khiếu nại, khiếu kiện theo quy định của pháp luật.

Formatted: Underline, Vietnamese (Vietnam)

Điều 3. Cơ sở đào tạo nghề luật sư³

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

1. Cơ sở đào tạo nghề luật sư thuộc Bộ Tư pháp và cơ sở đào tạo nghề luật sư thuộc Liên đoàn luật sư Việt Nam có nhiệm vụ đào tạo nghề luật sư.

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

2. Cơ sở đào tạo nghề đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau đây thì được đào tạo nghề luật sư:

a) Có đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên đủ về số lượng và đồng bộ về cơ cấu, có phẩm chất đạo đức và trình độ đào tạo, bảo đảm thực hiện mục tiêu, chương trình đào tạo nghề luật sư;

b) Có chương trình đào tạo, giáo trình phù hợp với chương trình khung về đào tạo nghề luật sư;

c) Có trường sở, tài chính, thiết bị phục vụ dạy và học.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn, thủ tục thành lập cơ sở đào tạo nghề luật sư.

3. Chỉ có Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư do cơ sở đào tạo nghề luật sư của Bộ Tư pháp, Liên đoàn luật sư Việt Nam cấp hoặc do cơ sở đào tạo nghề luật sư của nước ngoài cấp, được Bộ trưởng Bộ Tư pháp công nhận mới có giá trị theo quy định tại Điều 12 của Luật luật sư.

Comment [D1]: Có bao hàm khóa học luật sư hội nhập KTQT thuộc dự án 123 hoặc 544 hay không?

Formatted: Font color: Red

Formatted: Font color: Red

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Điều 4. Trợ giúp pháp lý của luật sư

Luật sư có nghĩa vụ trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.

Liên đoàn luật sư Việt Nam quy định về số giờ, cách thức, hình thức thực hiện trợ giúp pháp lý của luật sư, quyền, nghĩa vụ của luật sư khi tham gia trợ giúp pháp lý và biện pháp xử lý đối với luật sư vi phạm quy định về nghĩa vụ trợ giúp pháp lý.

Chương II

TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Điều 5. Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư⁴

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư gồm những nội dung chính sau đây:

1. Tên văn phòng luật sư, công ty luật;
2. Địa chỉ trụ sở;

³ Điều 2 Nghị định 28.

⁴ Điều 3 Nghị định 28.

3. Họ, tên, địa chỉ thường trú của luật sư Trưởng văn phòng luật sư hoặc luật sư chủ sở hữu (đối với công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên) hoặc các luật sư thành viên (đối với công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty luật hợp danh);

4. Họ, tên của người đại diện theo pháp luật (đối với công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty luật hợp danh);

5. Lĩnh vực hành nghề.

Bộ Tư pháp quy định mẫu Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.

Điều 6. Điều lệ Công ty luật⁵

Điều lệ công ty luật gồm những nội dung chính sau đây:

1. Tên, địa chỉ trụ sở;

2. Loại hình công ty luật;

3. Lĩnh vực hành nghề;

4. Họ, tên, địa chỉ thường trú của luật sư chủ sở hữu (đối với công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên) hoặc các luật sư thành viên (đối với công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty luật hợp danh);

5. Quyền và nghĩa vụ của luật sư chủ sở hữu hoặc các luật sư thành viên;

6. Điều kiện và thủ tục tham gia hoặc rút tên khỏi danh sách luật sư thành viên (đối với công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty luật hợp danh);

7. Cơ cấu tổ chức, quản lý, điều hành;

8. Phần vốn góp của luật sư thành viên (đối với công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên);

9. Thể thức thông qua quyết định, nghị quyết; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;

10. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận và trách nhiệm của các luật sư thành viên đối với nghĩa vụ của công ty (đối với công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty luật hợp danh);

11. Các trường hợp tạm ngừng, chấm dứt hoạt động và thủ tục thanh lý tài sản;

12. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty luật.

Điều lệ công ty luật phải có chữ ký của luật sư chủ sở hữu hoặc của tất cả luật sư thành viên.

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Comment [D2]: Dự thảo mới bỏ quy định này với hàm ý gì?

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

⁵ Điều 4 Nghị định 28.

Điều 7. Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư⁶

1. Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi có Đoàn luật sư mà Trưởng văn phòng luật sư hoặc Giám đốc công ty luật là thành viên.

Công ty luật hợp danh và công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà các thành viên của công ty đều là thành viên của một Đoàn luật sư thì đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi có Đoàn luật sư đó.

Công ty luật hợp danh và công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà các thành viên là thành viên của các Đoàn luật sư khác nhau thì đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi có trụ sở của công ty.

2. Thủ tục đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư được thực hiện theo quy định tại Điều 35 Luật luật sư.

3. Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng luật sư, công ty luật được làm thành 02 bản; một bản cấp cho văn phòng luật sư hoặc công ty luật, một bản lưu tại Sở Tư pháp.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy đăng ký hoạt động cho văn phòng luật sư, công ty luật, Sở Tư pháp gửi bản sao Giấy đăng ký hoạt động cho Cục thuế của địa phương và Bộ Tư pháp.

5. Văn phòng luật sư, công ty luật phải nộp lệ phí đăng ký hoạt động theo mức lệ phí đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

6. Sau khi được cấp Giấy đăng ký hoạt động, văn phòng luật sư, công ty luật được khắc và sử dụng con dấu của mình theo quy định của pháp luật về con dấu.

Điều 8. Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư⁷

Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư có nội dung chính sau đây:

1. Tên, địa chỉ trụ sở;
2. Lĩnh vực hành nghề;
3. Họ, tên người đại diện theo pháp luật;
4. Họ, tên, địa chỉ nơi thường trú của luật sư thành viên.

Bộ Tư pháp quy định mẫu Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.

Điều 9. Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư⁸

1. Thủ tục đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư được thực hiện theo quy định tại Điều 41 Luật luật sư. Trong thời hạn 07 ngày làm việc,

⁶ Điều 5 Nghị định 28.

⁷ Điều 6 Nghị định 28.

⁸ Điều 7 Nghị định 28.

kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, tổ chức hành nghề luật sư phải gửi thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp nơi văn phòng, công ty đặt trụ sở và Đoàn luật sư nơi đặt trụ sở của chi nhánh.

2. Khi đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng luật sư, công ty luật phải nộp lệ phí đăng ký theo mức lệ phí đăng ký lập chi nhánh của doanh nghiệp.

3. Sau khi được cấp Giấy đăng ký hoạt động, chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư được sử dụng con dấu của mình theo quy định của pháp luật về con dấu.

Điều 10. Thay đổi người đại diện theo pháp luật của tổ chức hành nghề luật sư⁹

1. Người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh phải là luật sư và là thành viên của công ty luật.

Công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty luật hợp danh thay đổi người đại diện theo pháp luật thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định thay đổi, phải gửi văn bản đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật và Giấy đăng ký hoạt động của công ty luật đến Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động.

Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật luật sư.

2. Người đại diện theo pháp luật của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải là luật sư chủ sở hữu của văn phòng luật sư, công ty luật.

Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên thay đổi người đại diện theo pháp luật thì gửi hồ sơ đến Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động. Hồ sơ gồm có:

- a) Giấy đề nghị thay đổi người đại diện theo pháp luật;
- b) Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
- c) Văn bản thỏa thuận giữa người đại diện theo pháp luật cũ và người dự kiến là đại diện theo pháp luật mới đối với việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của văn phòng luật sư, công ty luật;

Thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật luật sư.

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

⁹ Nghị định hóa [Điều 7](#) Thông tư 17/2011/TT-BTP.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho tổ chức hành nghề luật sư, trong đó ghi rõ nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Điều 11. Hợp nhất công ty luật¹⁰

Hai hoặc nhiều công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên có thể thoả thuận hợp nhất thành một công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên mới. Hai hoặc nhiều công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên có thể thoả thuận hợp nhất thành một công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên mới. Hai hoặc nhiều công ty luật hợp danh có thể thoả thuận hợp nhất thành một công ty luật hợp danh mới.

2. Hồ sơ hợp nhất công ty luật được gửi đến Sở Tư pháp nơi công ty luật mới đăng ký hoạt động. Hồ sơ gồm có:

- a) Giấy đề nghị hợp nhất công ty luật;
- b) Hợp đồng hợp nhất trong đó phải có quy định về thủ tục, thời hạn và điều kiện hợp nhất; phương án sử dụng lao động;
- c) Bản cam kết của người dự kiến là đại diện theo pháp luật của công ty luật mới về việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của các công ty luật bị hợp nhất;
- d) Giấy đăng ký hoạt động của các công ty luật bị hợp nhất;
- đ) Điều lệ của công ty luật mới.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật mới; trường hợp từ chối phải thông báo lý do bằng văn bản.

3. Thủ tục công bố nội dung đăng ký hoạt động của công ty luật mới được thực hiện theo quy định tại Điều 38 Luật luật sư.

4. Sau khi công ty luật mới được cấp Giấy đăng ký hoạt động, các công ty luật bị hợp nhất chấm dứt tồn tại. Công ty luật mới được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về toàn bộ các khoản nợ chưa thanh toán, các hợp đồng dịch vụ pháp lý đang thực hiện, hợp đồng lao động đã ký với luật sư, nhân viên lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của các công ty luật bị hợp nhất.

Trong trường hợp các công ty luật bị hợp nhất đăng ký hoạt động tại các Sở Tư pháp khác nhau thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Giấy đăng ký hoạt động của công ty luật mới, công ty luật bị hợp nhất đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp khác Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật mới phải thông báo cho Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động về việc hợp nhất kèm theo bản sao Giấy đăng ký hoạt động của công ty luật mới. Sở Tư pháp thực hiện việc xoá tên công ty luật bị hợp nhất khỏi danh sách đăng ký hoạt động.

¹⁰ Hướng dẫn [điều 45](#) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư.

Điều 12. Sáp nhập công ty luật¹¹

1. Một hoặc nhiều công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên có thể sáp nhập vào một công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên khác. Một hoặc nhiều công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên có thể sáp nhập vào một công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên khác. Một hoặc nhiều công ty luật hợp danh có thể sáp nhập vào một công ty luật hợp danh khác.

2. Hồ sơ sáp nhập công ty luật được gửi đến Sở Tư pháp nơi các công ty luật đăng ký hoạt động. Hồ sơ gồm có:

- a) Giấy đề nghị sáp nhập công ty luật;
- b) Hợp đồng sáp nhập công ty luật trong đó phải có quy định về thủ tục, thời hạn và điều kiện sáp nhập; phương án sử dụng lao động;
- c) Bản cam kết của người dự kiến là đại diện theo pháp luật của công ty luật nhận sáp nhập về việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của các công ty luật bị sáp nhập;
- d) Giấy đăng ký hoạt động của các công ty luật bị sáp nhập và công ty luật nhận sáp nhập.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật nhận sáp nhập; trường hợp từ chối phải thông báo lý do bằng văn bản.

3. Thủ tục công bố nội dung đăng ký hoạt động của công ty luật mới được thực hiện theo quy định tại Điều 38 Luật luật sư.

4. Sau khi công ty luật nhận sáp nhập được cấp Giấy đăng ký hoạt động, các công ty luật bị sáp nhập chấm dứt tồn tại. Công ty luật nhận sáp nhập được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về toàn bộ các khoản nợ chưa thanh toán, các hợp đồng dịch vụ pháp lý đang thực hiện, hợp đồng lao động đã ký với luật sư, nhân viên lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của các công ty luật bị sáp nhập.

Trong trường hợp các công ty luật bị sáp nhập đăng ký hoạt động tại các Sở Tư pháp khác nhau thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Giấy đăng ký hoạt động của công ty luật nhận sáp nhập, công ty luật bị sáp nhập đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp khác Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật nhận sáp nhập phải thông báo cho Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động về việc sáp nhập kèm theo bản sao Giấy đăng ký hoạt động của công ty luật nhận sáp nhập. Sở Tư pháp thực hiện việc xoá tên công ty luật bị sáp nhập khỏi danh sách đăng ký hoạt động.

¹¹ Hướng dẫn [điều 45](#) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư.

Điều 13. Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh¹²

1. Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên có thể chuyển đổi sang hình thức công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có thể chuyển đổi sang hình thức công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Công ty luật trách nhiệm hữu hạn có thể chuyển đổi sang hình thức công ty luật hợp danh. Công ty luật hợp danh có thể chuyển đổi sang hình thức công ty luật trách nhiệm hữu hạn.

2. Hồ sơ chuyển đổi công ty luật được gửi đến Sở Tư pháp nơi công ty luật chuyển đổi đăng ký hoạt động. Hồ sơ gồm có:

a) Giấy đề nghị chuyển đổi trong đó nêu rõ mục đích và lý do chuyển đổi;
b) Bản cam kết của người dự kiến là đại diện theo pháp luật của công ty luật mới về việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của công ty luật bị chuyển đổi theo quy định của pháp luật;

c) Dự thảo Điều lệ của công ty luật mới;
d) Giấy đăng ký hoạt động của công ty dự kiến chuyển đổi.
đ) Danh sách thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu của công ty luật mới; bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư, Thẻ luật sư của các luật sư thành viên đối với trường hợp chuyển đổi thành công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

e) Bản sao giấy tờ chứng minh về trụ sở trong trường hợp có thay đổi về trụ sở.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật mới; trường hợp từ chối phải thông báo lý do bằng văn bản.

4. Thủ tục công bố nội dung đăng ký hoạt động của công ty luật mới được thực hiện theo quy định tại Điều 38 Luật luật sư.

Điều 14. Chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật¹³

1. Văn phòng luật sư có thể chuyển đổi thành công ty luật trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty luật hợp danh trên cơ sở kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của văn phòng luật sư theo quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ chuyển đổi văn phòng luật sư được gửi đến Sở Tư pháp nơi văn phòng luật sư đăng ký hoạt động. Hồ sơ gồm có:

a) Giấy đề nghị chuyển đổi trong đó nêu rõ mục đích và lý do chuyển đổi;

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Font color: Red, Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Font color: Red, Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Font color: Red

Formatted: Font color: Red, Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Font color: Red

Formatted: Font color: Red, Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

¹² Hướng dẫn [điều 45](#) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư

¹³ Hướng dẫn [điều 45](#) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư.

b) Bản cam kết của người dự kiến là đại diện theo pháp luật của công ty luật mới về việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của văn phòng luật sư bị chuyển đổi theo quy định của pháp luật;

c) Dự thảo Điều lệ của công ty luật mới;

d) Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng luật sư dự kiến chuyển đổi;

đ) Danh sách thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu của công ty luật; bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư, Thẻ luật sư của các luật sư thành viên;

e) Bản sao giấy tờ chứng minh về trụ sở trong trường hợp có thay đổi về trụ sở.

Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật mới; trường hợp từ chối phải thông báo lý do bằng văn bản.

2. Thủ tục công bố nội dung đăng ký hoạt động của công ty luật mới được thực hiện theo quy định tại Điều 38 Luật luật sư.

Điều 15. Thuê luật sư nước ngoài làm việc cho tổ chức hành nghề luật sư¹⁴

Tổ chức hành nghề luật sư có thể ký kết hợp đồng lao động thuê luật sư nước ngoài **đã được** cấp Giấy phép hành nghề tại Việt Nam làm việc cho tổ chức mình. Quyền và nghĩa vụ của luật sư nước ngoài làm thuê cho tổ chức hành nghề luật sư được thoả thuận trong hợp đồng phù hợp với Luật luật sư, Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ký hợp đồng thuê luật sư nước ngoài, tổ chức hành nghề luật sư phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động kèm theo hợp đồng thuê luật sư nước ngoài.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt hợp đồng thuê luật sư nước ngoài, tổ chức hành nghề luật sư phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động.

Bổ sung thêm các điều khoản hướng dẫn cụ thể các vấn đề sau đây:

Điều 27, khoản 2 về Giấy yêu cầu luật sư

Thời gian có hiệu lực của Giấy chứng nhận về việc tham gia tổ tụng của luật sư (cấp sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm & tái thẩm, thi hành án) tương tự như tổ tụng hình sự.

¹⁴ Điều 9 Nghị định 28.

Formatted: Font color: Red

Comment [D3]: Không phù hợp với thực tế

Formatted: Font: Bold

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: English (United States)

Chương III

THÙ LAO LUẬT SƯ THAM GIA TỔ TỤNG TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Điều 16. Mức thù lao luật sư tham gia tố tụng trong vụ án hình sự¹⁵

Comment [D4]: Việc không chế thù lao luật sư là phí thi trường.

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

1. Mức thù lao luật sư tham gia tố tụng trong vụ án hình sự do khách hàng và văn phòng luật sư, công ty luật thoả thuận trong hợp đồng dịch vụ pháp lý dựa trên các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật luật sư và được tính theo giờ hoặc tính trọn gói theo vụ việc, nhưng mức cao nhất quy ra giờ không được vượt quá 0,2 mức lương tối thiểu/giờ làm việc của luật sư.

Thời gian làm việc của luật sư do luật sư và khách hàng thoả thuận.

2. Khuyến khích văn phòng luật sư, công ty luật miễn, giảm thù lao luật sư cho những người nghèo, đối tượng chính sách.

Điều 17. Thù lao và chi phí cho luật sư trong trường hợp luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng¹⁶

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

1. Đối với những vụ án do cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu luật sư thì mức thù lao được trả cho luật sư là 0,3 mức lương tối thiểu/ngày làm việc của luật sư.

2. Thời gian làm việc của luật sư được tính bao gồm:

- Thời gian gặp người bị tạm giữ, bị can, bị cáo;
- Thời gian thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa;
- Thời gian nghiên cứu hồ sơ và chuẩn bị tài liệu tại cơ quan tiến hành tố tụng;
- Thời gian tham gia phiên tòa;
- Thời gian hợp lý khác để thực hiện việc tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng.

Thời gian làm việc của luật sư phải được cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trực tiếp giải quyết vụ án xác nhận.

3. Ngoài khoản tiền thù lao, trong quá trình chuẩn bị và tham gia bào chữa tại phiên tòa, luật sư được thanh toán chi phí tiền tàu xe, lưu trú theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác trong nước.

4. Cơ quan tiến hành tố tụng đã yêu cầu luật sư tham gia tố tụng có trách nhiệm thanh toán theo đúng quy định của Nhà nước về thù lao và các khoản chi phí

¹⁵ Sửa đổi [điều 10](#) Nghị định 28.

¹⁶ Sửa đổi [điều 11](#) Nghị định 28.

nêu tại khoản 1, khoản 3 Điều này. Nguồn kinh phí chi trả được dự toán trong ngân sách hàng năm của cơ quan tiến hành tố tụng.

5. Ngoài khoản thù lao và chi phí do cơ quan tiến hành tố tụng thanh toán, luật sư không được đòi thêm bất cứ khoản tiền nào từ bị can, bị cáo hoặc thân nhân của họ.

Chương IV

TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP CỦA LUẬT SƯ

MỤC 1: ĐOÀN LUẬT SƯ

Điều 18. Địa vị pháp lý của Đoàn luật sư¹⁷

1. Đoàn luật sư là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư được thành lập tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản, hoạt động theo nguyên tắc tự trang trải bằng nguồn thu từ phí thành viên, các khoản đóng góp của thành viên và nguồn thu hợp pháp khác.

2. Đoàn luật sư là thành viên của Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. *Nhiệm kỳ, cơ cấu tổ chức, thể thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan của Đoàn luật sư; mối quan hệ nội bộ của Đoàn luật sư do Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam quy định.*

Điều 19. Điều kiện thành lập Đoàn luật sư¹⁸

1. Tôn chỉ, mục đích hoạt động không trái Hiến pháp, pháp luật.

2. Có từ ba người sáng lập có Chứng chỉ hành nghề luật sư trở lên tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Có phương án về cơ cấu tổ chức.

Điều 20. Thủ tục cho phép thành lập Đoàn luật sư¹⁹

1. Hồ sơ thành lập Đoàn luật sư bao gồm:

a) Giấy đề nghị thành lập Đoàn luật sư;

b) Dự thảo Báo cáo về phương hướng hoạt động của Đoàn luật sư;

c) Đề án tổ chức Đại hội thành lập Đoàn luật sư;

d) Danh sách thành viên Đoàn luật sư kèm theo bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư.

¹⁷ Sửa đổi [điều 6](#), Nghị định 131.

¹⁸ [Điều 7](#), Nghị định 131.

¹⁹ [Điều 8](#), Nghị định 131.

2. Hồ sơ thành lập Đoàn luật sư do những người sáng lập Đoàn luật sư lập gửi đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) về việc cho phép thành lập Đoàn luật sư.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản gửi Bộ Tư pháp, Liên đoàn luật sư Việt Nam về việc thành lập Đoàn luật sư tại địa phương. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tư pháp, Liên đoàn luật sư Việt Nam có văn bản về việc thành lập Đoàn luật sư.

Sau khi có ý kiến nhất trí bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Liên đoàn luật sư Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép thành lập Đoàn luật sư; trong trường hợp từ chối phải thông báo lý do bằng văn bản. Người bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Đại hội thành lập Đoàn luật sư²⁰

1. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày quyết định cho phép thành lập Đoàn luật sư có hiệu lực, những người sáng lập Đoàn luật sư phải tổ chức Đại hội thành lập Đoàn luật sư; nếu quá thời hạn này mà không tổ chức Đại hội thì quyết định cho phép thành lập Đoàn luật sư không còn hiệu lực.

2. Nội dung chủ yếu của Đại hội thành lập Đoàn luật sư bao gồm:

- a) Công bố quyết định cho phép thành lập Đoàn luật sư;
- b) Bầu Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật;
- c) Thông qua Báo cáo về phương hướng hoạt động của Đoàn luật sư;
- d) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

3. Kết quả Đại hội thành lập Đoàn luật sư phải được phê chuẩn theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

Điều 22. Đại hội nhiệm kỳ của Đoàn luật sư²¹

1. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu luật sư của Đoàn luật sư (sau đây gọi chung là Đại hội luật sư) là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đoàn luật sư. Nhiệm kỳ Đại hội luật sư do Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam quy định nhưng không quá 5 năm, kể từ ngày kết thúc Đại hội nhiệm kỳ trước.

²⁰ Điều 9 Nghị định 131.

²¹ Sửa đổi điều 11 Nghị định 131.

2. Đại hội luật sư được coi là hợp lệ nếu có ít nhất hai phần ba số thành viên của Đoàn luật sư hoặc hai phần ba số đại biểu được triệu tập tham gia.

Việc biểu quyết thông qua các quyết định, nghị quyết của Đại hội luật sư phải được quá một phần hai số đại biểu chính thức có mặt tán thành.

3. Chậm nhất ba mươi ngày trước ngày dự kiến tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư phải báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Liên đoàn luật sư Việt Nam về Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng Ban Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật nhiệm kỳ mới.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư, Liên đoàn luật sư Việt Nam có văn bản về Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng Ban Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật nhiệm kỳ mới. Sở tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng Ban Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật nhiệm kỳ mới.

4. Đại hội nhiệm kỳ của Đoàn luật sư có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Tổng kết, đánh giá về tổ chức, hoạt động của Đoàn luật sư nhiệm kỳ qua;
- b) Thông qua phương hướng, nhiệm vụ, tổ chức, hoạt động của Đoàn luật sư trong nhiệm kỳ mới;
- c) Bầu Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư;
- d) Các nội dung khác theo quy định của *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam*.

Điều 23. Phê chuẩn kết quả Đại hội luật sư²²

1. Nội dung phê chuẩn kết quả Đại hội luật sư bao gồm:

- a) Kết quả bầu Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư;
- b) Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội đề bãi nhiệm và bầu mới hoặc bầu thay thế Chủ nhiệm, bầu bổ sung ủy viên Ban Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật Đoàn luật sư.

2. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc Đại hội, Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư phải gửi Sở Tư pháp báo cáo kết quả Đại hội, kèm theo biên bản bầu cử, danh sách trích ngang của Chủ nhiệm, các ủy viên Ban Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư; Nghị quyết Đại hội.

Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả Đại hội, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ xem xét và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc phê chuẩn kết quả Đại hội của Đoàn luật sư.

²² Điều 12 Nghị định 131.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê chuẩn hoặc từ chối phê chuẩn kết quả Đại hội; trong trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản.

3. Kết quả bầu cử bị từ chối phê chuẩn trong các trường hợp sau đây:

a) Quy trình, thủ tục bầu cử không bảo đảm tính hợp lệ, dân chủ, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật, *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam*;

b) Chức danh lãnh đạo được bầu không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam*.

4. Nghị quyết Đại hội bị từ chối phê chuẩn trong các trường hợp sau đây:

a) Có nội dung trái với quy định của Hiến pháp, pháp luật, *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam*.

b) Quy trình, thủ tục thông qua Nghị quyết không bảo đảm tính hợp lệ, dân chủ, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật, *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam*.

5. Trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo về việc từ chối phê chuẩn kết quả Đại hội, Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư phải tổ chức lại Đại hội để thực hiện việc bầu cử, việc thông qua, sửa đổi Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật, *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam*; quá thời hạn này mà không tổ chức lại Đại hội thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, quyết định việc giải thể Đoàn luật sư.

6. Trong trường hợp tổ chức Đại hội để bãi nhiệm và bầu mới hoặc bầu thay thế Chủ nhiệm, bầu bổ sung ủy viên Ban Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư thì trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc Đại hội, Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư gửi Sở Tư pháp báo cáo kết quả Đại hội. Việc phê duyệt kết quả Đại hội được thực hiện theo quy định của Điều này.

Điều 24. Chế độ báo cáo, gửi các quy định, quyết định, nghị quyết của Đoàn luật sư²³

1. Hàng năm Đoàn luật sư có trách nhiệm gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư pháp, Liên đoàn luật sư Việt Nam báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động của Đoàn luật sư. Báo cáo được tính từ ngày 01 tháng 10 của năm trước đến ngày 30 tháng 9 của năm sau và gửi trước ngày 10 tháng 11 hàng năm.

Ngoài việc báo cáo theo định kỳ hàng năm, Đoàn luật sư báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư pháp hoặc Liên đoàn luật sư Việt Nam.

²³ Điều 13 Nghị định 131.

2. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quy định, quyết định, thông qua nghị quyết của Đoàn luật sư, Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư có trách nhiệm gửi Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Liên đoàn luật sư Việt Nam quy định, quyết định, nghị quyết đó.

Điều 25. Yêu cầu sửa đổi hoặc hủy bỏ các quy định, quyết định, nghị quyết của Đoàn luật sư²⁴

1. Trong trường hợp phát hiện hoặc khi có căn cứ cho rằng quy định, quyết định, nghị quyết của Đoàn luật sư trái với quy định của pháp luật về luật sư thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền đình chỉ thi hành và yêu cầu sửa đổi một phần hoặc hủy bỏ toàn bộ quy định, quyết định, nghị quyết của Đoàn luật sư.

2. Trong trường hợp phát hiện hoặc khi có căn cứ cho rằng quy định, quyết định, nghị quyết của Đoàn luật sư trái với quy định của *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam* thì Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư Việt Nam có quyền đình chỉ thi hành và yêu cầu sửa đổi một phần hoặc hủy bỏ toàn bộ quy định, quyết định, nghị quyết của Đoàn luật sư.

Điều 26. Bãi nhiệm Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm Đoàn luật sư²⁵

1. Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm Đoàn luật sư bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm đặc biệt nghiêm trọng các quy định của *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam* trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của mình; xâm hại lợi ích của Đoàn luật sư;

b) Vi phạm nghiêm trọng các quy định của Luật luật sư và các quy định khác của pháp luật;

c) Không còn sự tín nhiệm của ít nhất một phần hai số thành viên Đoàn luật sư;

d) Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức tạm đình chỉ tư cách thành viên hoặc xóa tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư;

đ) Bị tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề luật sư;

e) Bị kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật.

2. Trong trường hợp Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b và c, khoản 1 của Điều này thì Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư Việt Nam đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định đình

²⁴ Điều 25, Nghị định 131.

²⁵ Điều 15, Nghị định 131.

chỉ hoạt động của Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư và yêu cầu Đoàn luật sư tổ chức Đại hội bất thường để bầu Ban Chủ nhiệm và Chủ nhiệm mới của Đoàn luật sư.

Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư tạm thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chủ nhiệm; Chủ tịch Hội đồng khen thưởng, kỷ luật tạm thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ nhiệm Đoàn luật sư cho đến khi bầu Ban Chủ nhiệm và Chủ nhiệm mới của Đoàn luật sư.

Trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày có quyết định đình chỉ Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư, Chủ tịch Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư phải triệu tập Đại hội luật sư bất thường.

3. Trong trường hợp Chủ nhiệm Đoàn luật sư thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 của Điều này thì Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư Việt Nam đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định đình chỉ chức vụ Chủ nhiệm và yêu cầu Ban Chủ nhiệm Đoàn luật sư cử một Phó Chủ nhiệm Đoàn luật sư giữ chức vụ Quyền Chủ nhiệm Đoàn luật sư cho đến khi bầu Chủ nhiệm mới của Đoàn luật sư; trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày được cử, Quyền Chủ nhiệm Đoàn luật sư phải triệu tập Đại hội bất thường để bầu Chủ nhiệm mới của Đoàn luật sư.

4. Người bị bãi nhiệm có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện ra Tòa hành chính theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo của Đoàn luật sư²⁶

1. Các chức danh lãnh đạo của Đoàn luật sư được miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b) Xin rút khỏi chức danh lãnh đạo;
- c) Vì lý do sức khỏe hoặc lý do khác mà không thể thực hiện được nhiệm vụ.

2. Việc miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo của Đoàn luật sư được thực hiện theo quy định của *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam*.

Điều 28. Giải thể Đoàn luật sư²⁷

1. Đoàn luật sư bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ ba luật sư thành viên của Đoàn luật sư;
- b) Quá thời hạn sáu tháng kể từ ngày hết nhiệm kỳ mà không tổ chức Đại hội;
- c) Không tổ chức lại Đại hội theo quy định tại **khoản 5 Điều 23** Nghị định

này;

²⁶ Điều 16 Nghị định 131.

²⁷ Điều 17 Nghị định 131.

d) Hoạt động của Đoàn luật sư vi phạm nghiêm trọng pháp luật, *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam*, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Trong trường hợp Đoàn luật sư bị giải thể theo quy định tại khoản 1 Điều này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định giải thể Đoàn luật sư sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Việc thành lập lại Đoàn luật sư được thực hiện theo quy định tại **Điều 19, Điều 20 và Điều 21** Nghị định này.

MỤC 2: LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM

Điều 29. Địa vị pháp lý của Liên đoàn luật sư Việt Nam²⁸

1. Liên đoàn luật sư Việt Nam là tổ chức xã hội – nghề nghiệp thống nhất toàn quốc của các Đoàn luật sư và luật sư, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản, hoạt động theo nguyên tắc tự trang trải bằng nguồn thu từ phí thành viên, các khoản đóng góp của thành viên và nguồn thu hợp pháp khác.

2. Liên đoàn luật sư Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. Liên đoàn luật sư Việt Nam có Điều lệ để điều chỉnh thống nhất về tổ chức, hoạt động của Liên đoàn luật sư Việt Nam, của Đoàn luật sư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; quyền, nghĩa vụ của các thành viên Liên đoàn; quan hệ của Liên đoàn với các thành viên của mình, với các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 30. Thành lập Liên đoàn luật sư Việt Nam²⁹

1. Liên đoàn luật sư Việt Nam do Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc lần thứ nhất thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nội dung chủ yếu của Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc lần thứ nhất bao gồm:

- a) Công bố quyết định thành lập Liên đoàn luật sư Việt Nam;
- b) Thảo luận và biểu quyết thông qua *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam*;
- c) Bầu Hội đồng luật sư toàn quốc;

d) Thông qua Báo cáo về phương hướng hoạt động của Liên đoàn luật sư Việt Nam;

²⁸ [Điều 18](#) Nghị định 131.

²⁹ [Điều 19](#) Nghị định 131.

đ) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

3. Kết quả Đại hội thành lập Liên đoàn luật sư Việt Nam phải được phê chuẩn theo quy định tại **Điều 33** Nghị định này.

Điều 31. Phê duyệt Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam³⁰

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam* được thông qua, Hội đồng luật sư toàn quốc gửi Bộ Tư pháp hồ sơ đề nghị phê duyệt Điều lệ. Hồ sơ gồm có:

- a) Văn bản đề nghị phê duyệt Điều lệ;
- b) Điều lệ và biên bản thông qua Điều lệ;
- c) Nghị quyết Đại hội;

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị phê duyệt *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam*, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định phê duyệt hoặc từ chối phê duyệt *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam* sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Nội vụ; trong trường hợp từ chối phải thông báo lý do bằng văn bản.

3. *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam* bị từ chối phê duyệt trong các trường hợp sau đây:

- a) Có nội dung trái với quy định của Hiến pháp và pháp luật;
- b) Quy trình, thủ tục thông qua Điều lệ không bảo đảm tính hợp lệ, dân chủ, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam* bị từ chối phê duyệt thì Hội đồng luật sư toàn quốc phải tổ chức thực hiện việc sửa đổi nội dung Điều lệ hoặc tổ chức lại Đại hội để thông qua Điều lệ theo đúng quy định của pháp luật.

5. Khi có sự sửa đổi, bổ sung nội dung của *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam* thì trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Điều lệ sửa đổi, bổ sung được thông qua, Hội đồng luật sư toàn quốc gửi Bộ Tư pháp văn bản đề nghị kèm theo Điều lệ sửa đổi, bổ sung; biên bản thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung, Nghị quyết Đại hội.

Việc phê duyệt Điều lệ sửa đổi, bổ sung được thực hiện theo quy định của Điều này.

6. *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam* có hiệu lực kể từ ngày được phê duyệt.

Điều 32. Đại hội nhiệm kỳ của Liên đoàn luật sư Việt Nam³¹

³⁰ Điều 20 Nghị định 131.

1. Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên đoàn luật sư Việt Nam. Nhiệm kỳ Đại hội của Liên đoàn luật sư Việt Nam do *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam* quy định nhưng không quá 05 năm, kể từ ngày kết thúc Đại hội nhiệm kỳ trước.

2. Đại hội của Liên đoàn luật sư Việt Nam, được coi là hợp lệ nếu có ít nhất hai phần ba số đại biểu được triệu tập tham gia.

Việc biểu quyết thông qua các quyết định, nghị quyết Đại hội của Liên đoàn luật sư Việt Nam phải được quá một phần hai số đại biểu chính thức có mặt tán thành.

3. Chậm nhất 60 ngày trước ngày dự kiến tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư Việt Nam phải báo cáo Bộ Tư pháp về Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn luật sư Việt Nam nhiệm kỳ mới. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ xem xét, cho ý kiến về Đề án tổ chức Đại hội.

4. Đại hội nhiệm kỳ của Liên đoàn luật sư Việt Nam có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Tổng kết, đánh giá về tổ chức, hoạt động của Liên đoàn nhiệm kỳ qua;
- b) Thông qua phương hướng, nhiệm vụ, tổ chức, hoạt động của Liên đoàn trong nhiệm kỳ mới;
- c) Bầu các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn nhiệm kỳ mới;
- d) Xem xét việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ (nếu có);
- đ) Các nội dung khác theo quy định của *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam*.

Điều 33. Phê chuẩn kết quả Đại hội của Liên đoàn luật sư Việt Nam³²

1. Nội dung phê chuẩn kết quả Đại hội của Liên đoàn luật sư Việt Nam bao gồm:

- a) Kết quả bầu các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn luật sư Việt Nam;
- b) Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội để bãi miễn và bầu mới hoặc bầu thay thế, bầu bổ sung các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn luật sư Việt Nam.

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc Đại hội, Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư Việt Nam phải gửi Bộ Tư pháp báo cáo kết quả Đại hội, kèm theo biên

³¹ Sửa đổi [Điều 21](#) Nghị định 131.

³² [Điều 22](#) Nghị định 131.

bản bầu cử, danh sách trích ngang của các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn luật sư Việt Nam, Nghị quyết Đại hội.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả Đại hội, Bộ Tư pháp xem xét, phê chuẩn hoặc từ chối phê chuẩn kết quả bầu cử, Nghị quyết Đại hội của Liên đoàn Luật sư Việt Nam sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ.

3. Kết quả bầu cử bị từ chối phê chuẩn trong các trường hợp sau đây:

a) Quy trình, thủ tục bầu cử không bảo đảm tính hợp lệ, dân chủ, công khai, minh bạch theo quy định pháp luật, *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam*;

b) Chức danh lãnh đạo được bầu không có đủ tiêu chuẩn theo quy định của *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam*.

4. Nghị quyết Đại hội bị từ chối phê chuẩn trong các trường hợp sau đây:

a) Có nội dung trái với quy định của Hiến pháp, pháp luật, *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam*;

b) Quy trình, thủ tục thông qua Nghị quyết không bảo đảm tính hợp lệ, dân chủ, công khai, minh bạch theo quy định pháp luật, *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam*.

5. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo về việc từ chối phê chuẩn kết quả bầu cử, Nghị quyết Đại hội, Hội đồng luật sư toàn quốc phải tổ chức lại Đại hội để thực hiện việc bầu cử, việc thông qua, sửa đổi Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật, *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam*. Trong trường hợp quá thời hạn quy định tại khoản này mà Hội đồng luật sư toàn quốc không tổ chức lại Đại hội thì Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc giải thể Liên đoàn luật sư Việt Nam.

6. Trong trường hợp tổ chức Đại hội để bãi miễn và bầu mới hoặc bầu thay thế, bầu bổ sung các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn luật sư Việt Nam thì trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc Đại hội, Ban Thường vụ Liên đoàn luật sư Việt Nam gửi Bộ Tư pháp báo cáo kết quả Đại hội. Việc phê chuẩn kết quả Đại hội được thực hiện theo quy định của Điều này.

Điều 34. Chế độ báo cáo, gửi các quy định, quyết định, nghị quyết của Liên đoàn luật sư Việt Nam³³

1. Hàng năm Liên đoàn luật sư Việt Nam có trách nhiệm gửi Bộ Tư pháp báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động của luật sư, Đoàn luật sư trong phạm vi toàn quốc

³³ Điều 23 Nghị định 131.

và Liên đoàn luật sư Việt Nam. Báo cáo được tính từ ngày 01 tháng 10 của năm trước đến ngày 30 tháng 9 của năm sau và gửi trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

Ngoài việc báo cáo theo định kỳ hàng năm, Liên đoàn luật sư Việt Nam báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tư pháp.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quy định, quyết định, thông qua nghị quyết của Liên đoàn luật sư Việt Nam, Ban Thường vụ Liên đoàn có trách nhiệm gửi Bộ Tư pháp quy định, quyết định, nghị quyết đó.

Điều 35. Yêu cầu sửa đổi hoặc hủy bỏ các quy định, quyết định, nghị quyết của Liên đoàn luật sư Việt Nam³⁴

Trong trường hợp phát hiện hoặc khi có căn cứ cho rằng quy định, quyết định, nghị quyết của Liên đoàn luật sư Việt Nam trái với quy định của pháp luật về luật sư thì Bộ Tư pháp có quyền đình chỉ thi hành và yêu cầu sửa đổi một phần hoặc hủy bỏ toàn bộ quy định, quyết định, nghị quyết của Liên đoàn luật sư Việt Nam.

Điều 36. Bãi nhiệm Hội đồng luật sư toàn quốc, Chủ tịch Liên đoàn luật sư Việt Nam³⁵

1. Hội đồng luật sư toàn quốc, Chủ tịch Liên đoàn luật sư Việt Nam bị bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm đặc biệt nghiêm trọng các quy định của *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam* trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của mình; xâm hại lợi ích của Liên đoàn luật sư Việt Nam;

b) Cản trở, can thiệp trái pháp luật vào tổ chức, hoạt động của tổ chức xã hội – nghề nghiệp của luật sư; lợi dụng danh nghĩa của tổ chức xã hội – nghề nghiệp của luật sư để gây ảnh hưởng xấu đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc vi phạm nghiêm trọng các quy định khác của pháp luật;

c) Không còn sự tín nhiệm của ít nhất một phần hai các Đoàn luật sư;

d) Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức tạm đình chỉ tư cách thành viên hoặc xóa tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư;

đ) Bị tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề luật sư;

e) Bị kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật;

³⁴ Điều 24 Nghị định 131.

³⁵ Điều 25 Nghị định 131.

2. Trong trường hợp Hội đồng luật sư toàn quốc thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b và c khoản 1 của Điều này hoặc Chủ tịch Liên đoàn luật sư Việt Nam thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nội vụ đề nghị Thủ tướng Chính phủ ra quyết định đình chỉ hoạt động của Hội đồng luật sư toàn quốc hoặc đình chỉ chức vụ Chủ tịch Liên đoàn luật sư Việt Nam và yêu cầu Liên đoàn luật sư Việt Nam tổ chức Đại hội bất thường để bầu mới các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn.

3. Người bị bãi nhiệm có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện ra Tòa hành chính theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn luật sư Việt Nam³⁶

1. Các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn luật sư Việt Nam được miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b) Xin rút khỏi chức danh lãnh đạo;
- c) Vì lý do sức khỏe hoặc lý do khác mà không thể thực hiện được nhiệm vụ.

2. Việc miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn luật sư Việt Nam được thực hiện theo quy định của Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam.

Điều 38. Giải thể Liên đoàn luật sư Việt Nam³⁷

1. Liên đoàn luật sư Việt Nam bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

- a) Quá thời hạn sáu tháng kể từ ngày hết nhiệm kỳ mà không tổ chức Đại hội;
- b) Không tổ chức lại Đại hội theo quy định tại **khoản 5 Điều 33** Nghị định này;
- c) Hoạt động của Liên đoàn luật sư Việt Nam vi phạm nghiêm trọng pháp luật, *Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam*, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Trong trường hợp Liên đoàn luật sư Việt Nam bị giải thể theo quy định tại khoản 1 Điều này thì Thủ tướng Chính phủ ra quyết định giải thể Liên đoàn luật sư Việt Nam và quyết định việc thành lập lại Liên đoàn luật sư Việt Nam.

Chương V

³⁶ Điều 26 Nghị định 131.

³⁷ Điều 27 Nghị định 131.

HÀNH NGHỀ CỦA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ NƯỚC NGOÀI, LUẬT SƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 39. Tên gọi của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam³⁸

1. Tên gọi của chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam phải bao gồm cụm từ "Chi nhánh", tên tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài và tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi được phép đặt chi nhánh.

2. Tên gọi của công ty luật một trăm phần trăm vốn nước ngoài tại Việt Nam phải bao gồm cụm từ "Công ty luật trách nhiệm hữu hạn" và tên của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài.

3. Tên gọi của công ty luật liên doanh giữa tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài và tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam do các bên thoả thuận lựa chọn nhưng phải bao gồm cụm từ "Công ty luật trách nhiệm hữu hạn".

4. Tên gọi của công ty luật hợp danh giữa tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài và công ty luật hợp danh Việt Nam do các bên thoả thuận lựa chọn nhưng phải bao gồm cụm từ "Công ty luật hợp danh".

Điều 40. Đơn đề nghị thành lập chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài³⁹

Đơn đề nghị thành lập chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài có các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên gọi, quốc tịch, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài;

2. Tên gọi của chi nhánh;

3. Lĩnh vực hành nghề của chi nhánh;

4. Thời hạn hoạt động của chi nhánh;

5. Nơi đặt trụ sở của chi nhánh;

6. Họ, tên của luật sư được tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài cử làm Trưởng chi nhánh kèm theo giấy tờ chứng minh luật sư được tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài cử làm Trưởng chi nhánh đã có ít nhất 02 năm liên tục hành nghề luật sư;

7. Cam kết của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài về việc có ít nhất 02 luật sư nước ngoài, kể cả Trưởng chi nhánh có mặt và hành nghề tại chi nhánh từ 183 ngày trở lên trong khoảng thời gian liên tục 12 tháng.

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Comment [D5]: Không chấp nhận tạo nên điều kiện cấp phép.

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Comment [D6]: Phía VN yêu cầu 7 năm

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Comment [D7]: Phía VN đòi ít nhất 2 năm và phải cư trú ở VN

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

³⁸ Điều 14 Nghị định 28.

³⁹ Bổ sung điều 15 Nghị định 28.

Điều 41. Đơn đề nghị thành lập công ty luật nước ngoài⁴⁰

Đơn đề nghị thành lập công ty luật nước ngoài có các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên gọi, quốc tịch, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài; tên gọi, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam đối với hình thức liên doanh;

2. Tên gọi của công ty luật nước ngoài;

3. Lĩnh vực hành nghề của công ty luật nước ngoài;

4. Thời hạn hoạt động của công ty luật nước ngoài;

5. Nơi đặt trụ sở của công ty luật nước ngoài;

6. Họ, tên của luật sư được cử làm Giám đốc của công ty luật nước ngoài kèm theo giấy tờ chứng minh luật sư được tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài cử làm Giám đốc của công ty luật nước ngoài đã có ít nhất hai năm liên tục hành nghề luật sư;

7. Cam kết của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài về việc có ít nhất 02 luật sư nước ngoài, kể cả *Trưởng chi nhánh giám đốc* có mặt và hành nghề tại *chi nhánh công ty* từ 183 ngày trở lên trong khoảng thời gian liên tục 12 tháng.

Điều 42. Ngôn ngữ sử dụng và hợp pháp hoá lãnh sự⁴¹

1. Đơn đề nghị thành lập chi nhánh, thành lập công ty luật nước ngoài tại Việt Nam, đơn đề nghị cấp Giấy phép hành nghề tại Việt Nam của luật sư nước ngoài được làm bằng tiếng Việt. Các giấy tờ kèm theo đơn đề nghị nếu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Giấy tờ do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp hoặc công chứng, chứng thực ở nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hoá lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 43. Đăng báo, thông báo về việc thành lập tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam⁴²

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam phải đăng báo địa phương hoặc báo trung ương trong ba số liên tiếp; thông báo bằng văn bản cho Đoàn luật sư, Cơ quan thuế của địa phương, nơi đặt trụ sở của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam về các nội dung chủ yếu sau đây:

Comment [LHTT8]: Dự thảo không áp dụng các điều kiện cấp phép mà các công ty luật VN đề xuất như: (i) các giao dịch/ HĐ cung cấp dịch vụ lớn gắn đây; (ii) lý do mở văn phòng; (iii) thông tin về đối tượng khách hàng hiện tại; (iv) cam kết về khối lượng công việc thuộc các giao dịch quốc tế, (v) kế hoạch kinh doanh và hoạt động tại VN.

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Comment [LHTT9]: Bổ sung này đã tạo điều kiện khuyến khích các công ty luật nước ngoài sử dụng luật sư VN trên cơ sở các công ty luật VN đưa ra tiêu chí để tổ chức Luật sư nước ngoài tuyển dụng, phát triển luật sư VN như: (i) có quy mô 500 luật sư trở lên; (ii) trưởng chi nhánh, giám đốc công ty luật nước ngoài phải có ít nhất 7 năm liên tục hành nghề luật sư; (iii) trưởng chi nhánh, giám đốc công ty luật nước ngoài phải “thường trú” trong thời gian hoạt động; (iv) cam kết tối thiểu 2 luật sư quốc tế trực tiếp hành nghề tại VN và có tối thiểu 5 năm hành nghề quốc tế, (v) cam kết đào tạo tối thiểu 3 luật sư VN trong 2 năm sau khi bắt đầu hoạt động được công nhận có đủ trình độ luật sư quốc tế.

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

⁴⁰ Điều 16 Nghị định 28.

⁴¹ Điều 17 Nghị định 28.

⁴² Điều 18 Nghị định 28.

1. Tên gọi, địa chỉ trụ sở của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam;
2. Lĩnh vực hành nghề;
3. Họ tên của Trưởng chi nhánh, Giám đốc công ty luật nước ngoài.

Điều 44. Hợp nhất công ty luật nước ngoài⁴³

1. Hai hoặc nhiều công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài có thể thoả thuận hợp nhất thành một công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài mới.

Hai hoặc nhiều công ty luật trách nhiệm hữu hạn dưới hình thức liên doanh có thể thoả thuận hợp nhất thành một công ty luật trách nhiệm liên doanh mới.

Hai hoặc nhiều công ty luật hợp danh giữa tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài và công ty luật hợp danh Việt Nam có thể thoả thuận hợp nhất thành một công ty luật hợp danh giữa tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài và công ty luật hợp danh Việt Nam mới.

2. Hồ sơ hợp nhất công ty luật được gửi đến Bộ Tư pháp. Hồ sơ gồm có:

- a) Giấy đề nghị hợp nhất công ty luật;*
- b) Hợp đồng hợp nhất trong đó phải có quy định về thủ tục, thời hạn và điều kiện hợp nhất; phương án sử dụng lao động;*
- c) Bản cam kết của người được đề cử là đại diện theo pháp luật của công ty luật mới về việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của các công ty luật bị hợp nhất;*
- d) Giấy đăng ký hoạt động của các công ty luật bị hợp nhất;*
- đ) Điều lệ công ty luật mới.*

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn xin hợp nhất và hồ sơ hợp lệ, Bộ Tư pháp ra quyết định chấp thuận việc hợp nhất dưới hình thức cấp Giấy phép thành lập công ty luật nước ngoài mới; trường hợp từ chối phải thông báo lý do bằng văn bản.

*3. Thủ tục đăng ký hoạt động, đăng báo, thông báo về việc thành lập công ty luật nước ngoài mới được thực hiện theo quy định tại Điều 79 Luật luật sư và **Điều 43** Nghị định này.*

4. Sau khi công ty luật nước ngoài mới được cấp Giấy đăng ký hoạt động, các công ty luật nước ngoài cũ chấm dứt tồn tại. Công ty luật nước ngoài mới được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về toàn bộ các khoản nợ chưa thanh toán, các hợp đồng dịch vụ pháp lý đang thực hiện, hợp đồng lao động đã ký với luật sư, nhân viên lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của các công ty luật nước ngoài bị hợp nhất.

⁴³ Hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Điều 45. Sáp nhập công ty luật nước ngoài⁴⁴

1. Một hoặc nhiều công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài có thể sáp nhập vào một công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài khác.

Một hoặc nhiều công ty luật trách nhiệm hữu hạn dưới hình thức liên doanh có thể sáp nhập vào một công ty luật trách nhiệm hữu hạn dưới hình thức liên doanh khác.

Một hoặc nhiều công ty luật hợp danh giữa tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài và công ty luật hợp danh Việt Nam có thể thoả thuận sáp nhập vào một công ty luật hợp danh giữa tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài khác.

2. Hồ sơ sáp nhập công ty luật được gửi đến Bộ Tư pháp. Hồ sơ gồm có:

a) Giấy đề nghị sáp nhập công ty luật;

b) Hợp đồng sáp nhập công ty luật trong đó phải có quy định về thủ tục, thời hạn và điều kiện sáp nhập; phương án sử dụng lao động;

c) Bản cam kết của người dự kiến là đại diện theo pháp luật của công ty luật nhận sáp nhập về việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của các công ty luật bị sáp nhập;

d) Giấy đăng ký hoạt động của các công ty luật bị sáp nhập và công ty luật nhận sáp nhập.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn xin sáp nhập và hồ sơ hợp lệ, Bộ Tư pháp ra quyết định chấp thuận việc sáp nhập; trường hợp từ chối phải thông báo lý do bằng văn bản.

3. Công ty luật nước ngoài nhận sáp nhập không phải đăng ký hoạt động mà chỉ làm thủ tục thay đổi nội dung Giấy phép thành lập theo quy định tại Điều 80 Luật luật sư.

4. Công ty luật nước ngoài nhận sáp nhập được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về toàn bộ các khoản nợ chưa thanh toán, các hợp đồng dịch vụ pháp lý đang thực hiện, hợp đồng lao động đã ký với luật sư, nhân viên lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của các công ty luật nước ngoài bị sáp nhập.

Điều 46. Chuyển đổi chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài thành công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài tại Việt Nam⁴⁵

⁴⁴ Hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư

⁴⁵ Nghị định hóa [điều 19](#) Thông tư số 17.

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

1. Chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam có thể chuyển đổi thành công ty luật nước ngoài tại Việt Nam trên cơ sở kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của chi nhánh cũ.

Hồ sơ xin chuyển đổi chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam thành công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài tại Việt Nam được gửi đến Bộ Tư pháp. Hồ sơ gồm có:

a) Giấy đề nghị chuyển đổi của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, trong đó nêu rõ cam kết của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài về việc kế thừa tất cả quyền, nghĩa vụ của các chi nhánh bị chuyển đổi;

b) Văn bản thông báo cho khách hàng về việc chuyển đổi;

c) Dự thảo Điều lệ của công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài;

d) Bản sao Giấy phép thành lập và Giấy đăng ký hoạt động của các chi nhánh bị chuyển đổi;

đ) Danh sách luật sư dự kiến làm việc tại công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài;

e) Bản sao giấy tờ chứng minh về trụ sở trong trường hợp có thay đổi về trụ sở.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tư pháp ra quyết định cấp Giấy phép thành lập công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài tại Việt Nam.

2. Thủ tục đăng ký hoạt động, đăng báo, thông báo về việc thành lập công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Điều 79 Luật luật sư và **Điều 43 Nghị định này**.

Điều 47. Chuyển đổi công ty luật nước ngoài thành công ty luật Việt Nam⁴⁶

1. Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một trăm phần trăm vốn nước ngoài, công ty luật trách nhiệm hữu hạn dưới hình thức liên doanh và công ty luật hợp danh giữa tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài và công ty luật hợp danh Việt Nam (sau đây gọi chung là công ty luật nước ngoài) có thể chuyển đổi thành công ty luật Việt Nam trên cơ sở kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của công ty luật nước ngoài.

Hồ sơ xin chuyển đổi công ty luật nước ngoài được gửi đến Bộ Tư pháp. Hồ sơ gồm có:

a) Giấy đề nghị chuyển đổi của công ty luật nước ngoài;

b) Thỏa thuận chuyển đổi giữa công ty luật nước ngoài và bên Việt Nam nhận chuyển đổi trong đó nêu rõ cam kết của bên Việt Nam nhận chuyển đổi về việc kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của công ty luật nước ngoài bị chuyển đổi;

⁴⁶ Hướng dẫn [Điều 1.26](#) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư [sửa đổi, bổ sung điều 69.2 Luật luật sư](#).

c) Văn bản thông báo cho khách hàng về việc chuyển đổi;

d) Dự thảo Điều lệ của công ty luật Việt Nam;

đ) Danh sách thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu của công ty luật Việt Nam; bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư, Thẻ luật sư của các luật sư thành viên của công ty luật Việt Nam;

e) Bản sao Giấy phép thành lập và Giấy đăng ký hoạt động công ty luật nước ngoài dự định chuyển đổi.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tư pháp ra quyết định chấp thuận chuyển đổi.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có quyết định chấp thuận của Bộ Tư pháp, công ty luật Việt Nam nhận chuyển đổi phải làm thủ tục đăng ký việc chuyển đổi tại Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi công ty luật nước ngoài đăng ký hoạt động.

Hồ sơ đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam gồm có:

a) Giấy đề nghị chuyển đổi;

b) Văn bản chấp thuận chuyển đổi của Bộ Tư pháp;

c) Dự thảo Điều lệ của công ty luật Việt Nam.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thực hiện cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật Việt Nam nhận chuyển đổi.

4. Công ty luật nước ngoài chấm dứt hoạt động kể từ khi công ty luật Việt Nam nhận chuyển đổi được cấp Giấy đăng ký hoạt động. Công ty luật nước ngoài nộp lại Giấy phép thành lập cho Bộ Tư pháp và Giấy đăng ký hoạt động cho Sở Tư pháp.

5. Thủ tục công bố nội dung đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam nhận chuyển đổi được thực hiện theo quy định tại Điều 38 Luật luật sư.

Điều 48. Tạm ngừng hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài⁴⁷

1. Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam tạm ngừng hoạt động trong các trường hợp sau đây:

a) Tự quyết định tạm ngừng hoạt động;

b) Bị xử phạt vi phạm hành chính dưới hình thức đình chỉ hoạt động có thời hạn.

2. Trong trường hợp tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam tạm ngừng hoạt động theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Tư pháp chậm nhất là 30 ngày, trước ngày dự kiến tạm ngừng hoạt động.

⁴⁷ Điều 21 Nghị định 28.

Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam được tạm ngừng hoạt động kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Bộ Tư pháp.

3. Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Bộ Tư pháp hoặc quyết định về việc đình chỉ hoạt động có thời hạn, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam phải thông báo bằng văn bản về việc tạm ngừng hoạt động cho Sở Tư pháp, Đoàn luật sư và cơ quan thuế của địa phương nơi đặt trụ sở.

4. Trong thời hạn tạm ngừng hoạt động, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam phải nộp đủ số thuế còn nợ; chịu trách nhiệm thanh toán các khoản nợ khác, chịu trách nhiệm về các hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký với khách hàng, hợp đồng lao động đã ký với luật sư, nhân viên, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

5. Chậm nhất là 30 ngày trước ngày dự kiến hoạt động trở lại, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam phải báo cáo bằng văn bản cho Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Đoàn luật sư và cơ quan thuế của địa phương nơi đặt trụ sở về việc hoạt động trở lại.

Điều 49. Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài⁴⁸

1. Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:

- a) Tự chấm dứt hoạt động;
- b) Bị thu hồi Giấy phép.

2. Trong trường hợp tự chấm dứt hoạt động, chậm nhất là 30 ngày trước thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam phải thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hoạt động cho Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp tỉnh, Đoàn luật sư và cơ quan thuế của địa phương nơi đặt trụ sở.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo về việc chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam, Bộ Tư pháp ra quyết định chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam.

Trước thời điểm chấm dứt hoạt động, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam phải nộp đủ số thuế còn nợ, thanh toán xong các khoản nợ khác; thực hiện xong thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động đã ký với các luật sư, nhân viên lao động; giải quyết xong hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký với khách hàng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

3. Trong trường hợp bị thu hồi Giấy phép thành lập thì chậm nhất là 60 ngày, kể từ ngày có quyết định của Bộ Tư pháp về việc chấm dứt hoạt động hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức thu hồi Giấy phép, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam phải nộp đủ số thuế còn nợ, thanh toán xong các khoản nợ khác; thực hiện xong thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động đã ký với

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Comment [LHTT10]: Công ty luật VN kiến nghị quy định thêm về "thời hạn giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài có thời hạn 5 năm kể từ ngày ký và được xem xét gia hạn trên cơ sở đáp ứng các điều kiện và cam kết hành nghề tại VN"

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

⁴⁸ Điều 22 Nghị định 28.

các luật sư, nhân viên lao động; giải quyết xong hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký với khách hàng, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

Tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam phải báo cáo bằng văn bản cho Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Đoàn luật sư và cơ quan thuế của địa phương nơi đặt trụ sở về việc hoàn tất thủ tục nói trên; nộp lại Giấy phép cho Bộ Tư pháp, Giấy đăng ký hoạt động cho Sở Tư pháp và nộp lại con dấu cho cơ quan có thẩm quyền cấp và đăng ký việc sử dụng con dấu.

Điều 50. Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của chi nhánh, công ty luật nước ngoài⁴⁹

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận thay đổi nội dung Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài thì chi nhánh, công ty luật nước ngoài phải đăng ký việc thay đổi tại Sở Tư pháp ở địa phương, nơi đặt trụ sở.

2. Hồ sơ đăng ký thay đổi gồm có:

- a) Giấy đề nghị thay đổi đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài;
- b) Bản sao Giấy phép thành lập của chi nhánh, công ty luật nước ngoài;
- c) Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Bộ Tư pháp.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động bằng cách cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh, công ty luật nước ngoài.

Điều 51. Thủ tục đăng ký hoạt động của chi nhánh công ty luật nước ngoài tại Việt Nam⁵⁰

1. Hồ sơ đăng ký hoạt động của chi nhánh công ty luật nước ngoài tại Việt Nam gồm có:

- a) Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của chi nhánh công ty luật nước ngoài tại Việt Nam;
- b) Bản sao Giấy phép thành lập chi nhánh công ty luật nước ngoài tại Việt Nam.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh của chi nhánh công ty luật nước ngoài.

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Comment [LHTT11]: Các công ty luật VN có kiến nghị: cần quy định rõ “phạm vi hoạt động, các hạn chế, cam kết phải tuân thủ” của tổ chức luật sư nước ngoài trong mẫu Giấy phép do Bộ Tư pháp ban hành.

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Comment [LHTT12]: Các công ty luật VN kiến nghị: cần làm rõ việc cấp phép cho tổ chức luật sư nước ngoài là theo thủ tục đăng ký đầu tư hay thẩm tra đầu tư?

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

⁴⁹ Hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư.

⁵⁰ Hướng dẫn [điều 1.26](#) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư [sửa đổi, bổ sung Điều 69 Luật luật sư](#).

Điều 52. Thu hồi Giấy phép thành lập của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài⁵¹

1. Giấy phép thành lập của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài bị thu hồi khi tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Tự chấm dứt hoạt động tại Việt Nam;
- b) Bị xử phạt vi phạm hành chính dưới hình thức tước quyền sử dụng Giấy phép thành lập theo quy định của pháp luật về xử phạt hành chính.

Trong trường hợp tổ chức hành nghề luật sư bị thu hồi Giấy phép thành lập theo quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Tư pháp quyết định thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài.

3. Khi thu hồi Giấy phép thành lập của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, Bộ Tư pháp ra quyết định thu hồi Giấy phép thành lập của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài và gửi cho Sở Tư pháp nơi tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài đăng ký hoạt động.

4. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thu hồi Giấy phép thành lập của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 53. Thu hồi Giấy phép hành nghề tại Việt Nam của luật sư nước ngoài⁵²

1. Giấy phép hành nghề tại Việt Nam của luật sư nước ngoài bị thu hồi trong những trường hợp sau đây:

- a) Luật sư nước ngoài không đủ điều kiện hành nghề tại Việt Nam theo quy định tại Điều 68 Luật luật sư;
- b) Luật sư nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính dưới hình thức tước quyền sử dụng Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về xử phạt hành chính.
- c) Thôi hành nghề luật sư tại Việt Nam theo nguyện vọng.

2. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thu hồi Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam của luật sư nước ngoài và quy định thủ tục thu hồi Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam của luật sư nước ngoài.

Điều 54. Xử lý đối với luật sư nước ngoài vi phạm Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam⁵³

Luật sư nước ngoài vi phạm Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ có thể bị thu hồi hoặc xem xét không gia hạn Giấy

⁵¹ Hướng dẫn [điều 1.32](#) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư [sửa đổi, bổ sung Điều 83.2 \(e\) Luật luật sư](#).

⁵² Hướng dẫn [điều 1.32](#) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư [sửa đổi Điều 83.2d Luật luật sư](#).

⁵³ Hướng dẫn [điều 1.33](#) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư [sửa đổi Điều 89.2 Luật luật sư](#).

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Dutch (Netherlands)

Formatted: Dutch (Netherlands)

Comment [LHTT13]: Công ty luật VN kiến nghị rằng việc gia hạn cấp giấy phép hành nghề của luật sư nước ngoài phải có ý kiến xác nhận của Đoàn luật sư địa phương.

Formatted: Dutch (Netherlands)

Formatted: Dutch (Netherlands)

Formatted: Dutch (Netherlands)

Formatted: Dutch (Netherlands)

Comment [D14]: Quy định này khập khiễng vì quy tắc do VBF ban hành chứ ko phải là quy phạm PL trong khi LS nước ngoài lại ko phải là thành viên của VBF.

Comment [LHTT15]: Quy định này đã tiếp thu kiến nghị của các công ty luật VN về cơ chế đối xử công bằng giữa Luật sư nước ngoài và Luật sư VN thông qua hoạt động quản lý. Nếu như Luật sư VN phải chịu sự quản lý của Sở TP, Bộ TP, Đoàn LS; Liên đoàn LS hay phải tuân thủ bộ "Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư VN" thì luật sư nước ngoài cũng phải vậy.

Formatted: Dutch (Netherlands)

phép hành nghề luật sư tại Việt Nam, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật và thông báo cho tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài đã cử luật sư đó vào hành nghề tại Việt Nam hoặc tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam đã tuyển dụng luật sư đó.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam của luật sư nước ngoài, Bộ Tư pháp gửi quyết định xử phạt kèm theo thông báo cho tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, nơi luật sư nước ngoài hành nghề.

Chương VI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ LUẬT SƯ VÀ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Điều 55. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp trong việc quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư⁵⁴

1. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư theo quy định của **Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật luật sư**; cho ý kiến về đề án tổ chức đại hội, phương án nhân sự bầu các chức danh lãnh đạo của Liên đoàn luật sư Việt Nam; phê chuẩn kết quả Đại hội của Liên đoàn luật sư Việt Nam, sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ; phê duyệt Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam, sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Hàng năm, Bộ Tư pháp có trách nhiệm lập dự toán ngân sách hỗ trợ cho việc bồi dưỡng luật sư, đào tạo nghề luật sư và hoạt động của Đoàn luật sư các tỉnh đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 56. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư⁵⁵

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư tại địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 83 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư.

2. Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước về luật sư và hành nghề luật sư tại địa phương, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định cho phép thành lập Đoàn luật sư; **phê duyệt kết quả Đại hội của Đoàn luật sư**; giải thể Đoàn luật sư;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng Ban Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng kỷ luật nhiệm kỳ mới;

⁵⁴ Hợp nhất và sửa đổi, bổ sung [điều 24](#) Nghị định 28 và [điều 28](#) Nghị định 131.

⁵⁵ Hợp nhất và sửa đổi, bổ sung [điều 25](#) Nghị định 28 và [điều 11.3](#) Nghị định 131.

c b) Cấp, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam;

d e) Cung cấp thông tin về việc đăng ký hoạt động của văn phòng luật sư, công ty luật cho cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật;

e đ) Yêu cầu tổ chức hành nghề luật sư báo cáo về tình hình hoạt động khi cần thiết;

f đ) Định kỳ báo cáo Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về tình hình tổ chức luật sư và hành nghề luật sư;

ge) Tham mưu, đề xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương các biện pháp hỗ trợ phát triển nghề luật sư tại địa phương;

h g) Thực hiện kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động của Đoàn luật sư, tổ chức hành nghề luật sư theo thẩm quyền hoặc theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; xử phạt vi phạm hành chính đối với luật sư, tổ chức hành nghề luật sư theo thẩm quyền.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 57. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Nghị định số 28/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật luật sư và Nghị định số 131/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thi hành các quy định của Luật luật sư về tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 60. Trách nhiệm thi hành Nghị định

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng Cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng Cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

Formatted: Vietnamese (Vietnam)

- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, PL (5b)

Nguyễn Tấn Dũng

6/4/2013 Hội thảo Nghi định Luật Luật sư sửa đổi
8.30 am -

A. 4. Điều 12 LLS được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 12. Đào tạo nghề luật sư

1. Người có Bằng cử nhân luật được tham dự khoá đào tạo nghề luật sư tại cơ sở đào tạo nghề luật sư.

Điều 3.3: Giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề LS: Đề án 123 hay 544

B. Bổ sung thêm các điều khoản hướng dẫn cụ thể các vấn đề sau đây:

Điều 27, khoản 2 Luật Lsu về Giấy yêu cầu luật sư

Thời gian có hiệu lực của Giấy chứng nhận về việc tham gia tố tụng của luật sư (cấp sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm & tái thẩm, thi hành án) tương tự như tố tụng hình sự.

C. Điều 15: Thuê LS nước ngoài làm việc cho tổ chức hành nghề LS.

Điều 54. Xử lý đối với luật sư nước ngoài vi phạm Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam⁵⁶

Luật sư nước ngoài vi phạm Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ có thể bị thu hồi hoặc xem xét không gia hạn Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật và thông báo cho tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài đã cử luật sư đó vào hành nghề tại Việt Nam hoặc tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam đã tuyển dụng luật sư đó.

27. Điều 70 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 70. Phạm vi hành nghề của tổ chức luật sư nước ngoài

⁵⁶ Hướng dẫn điều 1.33 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư sửa đổi Điều 89.2 Luật luật sư.

Formatted: Centered

Formatted: Font: 12 pt

Formatted: Numbered + Level: 1 + Numbering Style: A, B, C, ... + Start at: 1 + Alignment: Left + Aligned at: 0.25" + Indent at: 0.5"

Comment [D16]: Có bằng thạc sỹ Luật nước ngoài thì sao?

Formatted: Justified

Formatted: Font: 12 pt

Formatted: Font: 12 pt

Formatted: Font: 12 pt

Formatted: Numbered + Level: 1 + Numbering Style: A, B, C, ... + Start at: 1 + Alignment: Left + Aligned at: 0.25" + Indent at: 0.5"

Formatted: Numbered + Level: 1 + Numbering Style: A, B, C, ... + Start at: 1 + Alignment: Left + Aligned at: 0.25" + Indent at: 0.5"

Formatted: Font: 12 pt

Comment [D17]: Quy định này khập khiễng vì quy tắc do VBF ban hành chứ ko phải là quy phạm PL trong khi LS nước ngoài lại ko phải là thành viên của VBF.

Comment [LHTT18]: Quy định này đã tiếp thu kiến nghị của các công ty luật VN về cơ chế đối xử công bằng giữa Luật sư nước ngoài và Luật sư VN thông qua hoạt động quản lý. Nếu như Luật sư VN phải chịu sự quản lý của Sở TP, Bộ TP, Đoàn LS; Liên đoàn LS hay phải tuân thủ bộ "Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư VN" thì luật sư nước ngoài cũng phải vậy.

Formatted: Font: 12 pt

Formatted: Font: 12 pt

Formatted: Font: 12 pt, Dutch (Netherlands)

Chi nhánh, công ty luật nước ngoài hành nghề tại Việt Nam được thực hiện tư vấn pháp luật và các dịch vụ pháp lý khác, không được cử luật sư nước ngoài và luật sư Việt Nam trong tổ chức hành nghề của mình tham gia tổ tụng với tư cách là người đại diện, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trước Tòa án Việt Nam hoặc thực hiện các dịch vụ về giấy tờ pháp lý và công chứng liên quan tới pháp luật Việt Nam, được cử luật sư Việt Nam trong tổ chức hành nghề của mình tư vấn pháp luật Việt Nam.”

Formatted: Font: 12 pt

Formatted: Font: 12 pt, Dutch (Netherlands)

1) Ls. Phan Thông Anh – VBF

Nên dự thảo Nghị định theo hướng bao trùm toàn bộ hay chỉ 1 phần

2) Ls. Trần Minh Hải: Bizlaw

Bổ sung thêm vốn điều lệ cho Cty Luật TNHH
Giải thích rõ phạm vi hành nghề của Tổ chức LS nước ngoài
Biểu mẫu TT 17 không thực tế

3) Ls Dương: ĐLS Bến Tre

Bổ sung người tập sự hành nghề LS

4) ĐLS Lâm Đồng:

5) ĐLS Tây Ninh:

6) ĐLS BR-VT

Formatted: Dutch (Netherlands)

Formatted: Justified

Formatted: Centered

Formatted: Justified, Numbered + Level: 1 + Numbering Style: 1, 2, 3, ... + Start at: 1 + Alignment: Left + Aligned at: 0.25" + Indent at: 0.5"

Formatted: Justified

Formatted: Justified, Indent: Left: 0.5"

Formatted: Justified

Formatted: Justified, Numbered + Level: 1 + Numbering Style: 1, 2, 3, ... + Start at: 1 + Alignment: Left + Aligned at: 0.25" + Indent at: 0.5"

Formatted: Justified

Formatted: Justified, Numbered + Level: 1 + Numbering Style: 1, 2, 3, ... + Start at: 1 + Alignment: Left + Aligned at: 0.25" + Indent at: 0.5"

Formatted: Justified, Indent: Left: 0.5"

Formatted: Justified, Numbered + Level: 1 + Numbering Style: 1, 2, 3, ... + Start at: 1 + Alignment: Left + Aligned at: 0.25" + Indent at: 0.5"

Formatted: Justified, Indent: Left: 0.5"